

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**DỰ THẢO**

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ cao, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao. Bộ Khoa học và Công nghệ xin trình Chính phủ như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII) số 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996 về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (năm 1998) và Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (năm 2002). Đồng thời, từng bước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy phát triển các khu công nghệ cao như: Quy chế Khu công nghệ cao (*Nghị định của Chính phủ; 2003*), Một số chính sách khuyến khích đầu tư tại Khu công nghệ cao (*Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 2004*),... cùng nhiều nội dung ưu đãi có liên quan được quy định trong các luật chuyên ngành khác nhau.

Sự ra đời của Luật Công nghệ cao năm 2008 đã thể chế hóa các chính sách lớn về ứng dụng và phát triển công nghệ cao ở nước ta, trong đó việc thúc đẩy sự phát triển công nghệ cao được tập trung chủ yếu thông qua một số nhiệm vụ chủ chốt, trong đó có tập trung nguồn lực xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành các trung tâm R&D công nghệ cao, thu hút các doanh nghiệp lớn về công nghệ cao trên thế giới, đảm đương vai trò đầu tàu về phát triển công nghệ cao, tạo hiệu ứng lan toả. Từ sau khi Luật Công nghệ cao ra đời đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã tiếp tục quyết định thành lập thêm Khu Công nghệ cao Đà Nẵng (năm 2002) và Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai (năm 2016).

Trong các khu công nghệ cao nêu trên, 03 khu công nghệ cao gồm: Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, Khu Công nghệ cao Đà Nẵng là các khu công nghệ cao được định hướng phát triển theo đầy đủ các lĩnh vực công nghệ ưu tiên quy định tại Luật Công nghệ cao, có quy mô diện tích và vốn đầu tư lớn, có sử dụng một tỷ lệ vốn ngân sách Trung ương nhất định trong đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Riêng Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai là khu công nghệ cao có tính chất chuyên ngành, tập trung theo 01 lĩnh vực ưu tiên là công nghệ sinh học và được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bằng nguồn vốn ngân sách địa phương.

Bên cạnh mô hình khu công nghệ cao nêu trên, Việt Nam cũng đã và đang phát triển mô hình khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao; 03 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập gồm: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu*), mô hình khu công nghệ thông tin tập trung (*quy định tại Luật Công nghệ thông tin và Nghị định số 154/2013/NĐ-CP về khu công nghệ thông tin tập trung; 04 khu công nghệ thông tin tập trung được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập gồm: Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung, Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội, Công viên phần mềm Đà Nẵng; Khu Công nghệ thông tin tập trung Đà Nẵng – Giai đoạn 1*). Ngoài ra, nhiều địa phương trong cả nước cũng đã tự đầu tư xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thành lập vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; cả nước cũng có một số khu công nghệ thông tin tập trung ở các thành phố lớn đã được Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận theo Nghị định 154/2013/NĐ-CP. Hầu hết các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đang ở giai đoạn đầu của quá trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư.

Sự ra đời của các khu công nghệ cao trong cả nước đã cụ thể hóa chủ trương của Đảng về xây dựng một số khu công nghệ cao nhằm tạo môi trường thuận lợi để tập trung thu hút đầu tư công nghệ cao từ nước ngoài, đặc biệt từ các tập đoàn đa quốc gia; huy động các nguồn lực về khoa học và công nghệ trên cơ sở thu hút, tập hợp lực lượng trí thức khoa học và công nghệ trong cả nước, trí thức Việt kiều và các nhà khoa học nước ngoài trong nghiên cứu, sáng tạo và chuyển giao công nghệ vào sản xuất; kết hợp có hiệu quả giữa sản xuất với nghiên cứu, chuyển giao, phát triển công nghệ cao và thu hút đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao.

Ở thời điểm mới thành lập, hoạt động của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Quy chế Khu công nghệ cao tại Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997 của Chính phủ về ban hành Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao. Quy chế này sau

đó được thay thế bằng Quy chế khu công nghệ cao ban hành theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ. Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ra đời làm cơ sở để Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 53/2004/QĐ-TTg ngày 05/4/2004 về một số chính sách khuyến khích đầu tư tại Khu công nghệ cao; xây dựng và ban hành Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 về việc ban hành “Quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”.

Trong thời gian gần đây, Chính phủ và các bộ, ban ngành, địa phương đã tiếp tục tích cực xây dựng, ban hành nhiều chính sách mới nhằm thúc đẩy phát triển các khu công nghệ cao, đặc biệt là đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (*Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/8/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc*) và Khu Công nghệ cao Đà Nẵng (*Nghị định số 04/2018/NĐ-CP ngày 04/01/2019 quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng*).

Mặc dù Luật Công nghệ cao ra đời từ năm 2008, tuy nhiên, đến nay, hệ thống văn bản pháp lý về khu công nghệ cao vẫn chưa hoàn thiện trong bối cảnh Quy chế Khu công nghệ cao ban hành theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP có nhiều điểm không còn phù hợp và không theo kịp với thực tiễn phát triển khu công nghệ cao, đồng thời chưa có các quy định pháp luật mới điều chỉnh thống nhất đối với các khu công nghệ cao sau khi Luật Công nghệ cao có hiệu lực. Việc xây dựng các Nghị định đặc thù được nêu ở trên chỉ được xem là giải pháp tình thế nhằm giải quyết một số vấn đề riêng đối với một khu công nghệ cao cụ thể, không giải quyết được những hạn chế, vướng mắc trong công tác xây dựng, vận hành các khu công nghệ cao trong cả nước nói chung.

Thực trạng các vấn đề liên quan đến khu công nghệ cao hiện nay đã được Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát tổng hợp và trình bày chi tiết trong Báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách trong Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ cao trình Chính phủ năm 2019. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định, Chính phủ đã thông qua đề nghị xây dựng nghị định và giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao, trình Chính phủ trong tháng 12/2020 (Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 24/3/2020). Như vậy, việc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Nghị định quy định về khu công nghệ cao là cần thiết và cấp thiết.

## **II. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

1. Đảm bảo phù hợp với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ cao, khu công nghệ cao; bám sát quy định tại Luật Công nghệ cao; kế thừa những quy định còn phù hợp với quy định của pháp luật của các nghị định đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Khu Công nghệ cao Đà Nẵng.

3. Đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Phù hợp với: định hướng Đảng, của Chính phủ về thúc đẩy phát triển công nghệ cao trong các lĩnh vực công nghệ được ưu tiên nói chung và hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao nói riêng; tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và xu thế phát triển chung của thế giới; bảo đảm quốc phòng, an ninh.

5. Phù hợp với hiện trạng và định hướng phát triển các khu công nghệ cao.

6. Các quy định có tính khả thi cao và ổn định; đáp ứng yêu cầu hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc xây dựng Nghị định này được thực hiện theo 2 bước, cụ thể như sau:

#### **1. Lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định, trình Chính phủ**

- Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì lập Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định quy định về khu công nghệ cao (*bao gồm các dự thảo: Tờ trình Chính phủ, Báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, và Đề cương dự thảo nghị định*), gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan gồm: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Lao động – Thương binh và Xã hội, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Nội vụ, Tư pháp; các địa phương liên quan gồm: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Đồng Nai, Cần Thơ, Bình Dương, Hải Phòng, Bắc Ninh, Quảng Ninh; gửi đăng Hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của 09/16 Bộ và 01 địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì giải trình tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện dự thảo Hồ sơ, gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

- Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại văn bản số 255/BCTĐ-BTP ngày 05/12/2019, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định.

- Trên cơ sở Tờ trình số 4107/TTr-BKHHCN ngày 23/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Chính phủ đã thông qua đề nghị xây dựng nghị định và giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao, trình Chính phủ trong tháng 12/2020 (Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 24/3/2020).

## **2. Xây dựng dự thảo Nghị định**

- Thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan theo Quyết định số 1602/QĐ-BKHHCN ngày 15/6/2020.

- Rà soát, đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đang có hiệu lực thi hành.

- Xây dựng dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ.

- Tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập; tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến xây dựng, góp dự thảo Nghị định; khảo sát các khu công nghệ cao, khảo sát các địa phương có định hướng đề xuất thành lập khu công nghệ cao.

- Đăng tải dự thảo Nghị định lấy ý kiến rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan về dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình. Tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.

- Gửi hồ sơ dự thảo Nghị định để Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

- Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Nghị định và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ theo quy định (*Bản giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm định kèm theo*).

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Bố cục dự thảo Nghị định**

Dự thảo Nghị định gồm 7 Chương 36 Điều, kết cấu như sau: (i) Chương I: Quy định chung gồm 4 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4); (ii) Chương II: Thành lập, mở rộng khu công nghệ cao gồm 5 Điều (từ Điều 5 đến Điều 9); (iii) Chương III: Quy hoạch, giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu công nghệ cao gồm 5 Điều (từ Điều 10 đến Điều 14); (iv) Chương IV: Hoạt động thực hiện mục tiêu phát triển khu công nghệ cao gồm 11 Điều (từ Điều 15 đến Điều 25); (v) Chương V: Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư gồm 5 Điều (từ Điều 26 đến Điều 30); (vi) Chương VI: Quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao gồm 4 Điều (từ Điều 31 đến Điều 34); (vii) Chương VII: Điều khoản thi gồm 02 Điều (Điều 35, Điều 36).

## **2. Những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

a) Chương I: Quy định chung, gồm 4 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4).

Chương này quy định về: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; mục tiêu, nhiệm vụ khu công nghệ cao; phân loại khu công nghệ cao.

- Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Nghị định này quy định về việc quy hoạch, thành lập, mở rộng khu công nghệ cao, hoạt động của khu công nghệ cao, cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao. Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm: Cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều này.

- Về giải thích từ ngữ: Dự thảo Nghị định giải thích một số từ ngữ cơ bản liên quan trực tiếp đến khu công nghệ cao.

- Mục tiêu, nhiệm vụ khu công nghệ cao được quy định căn cứ nội dung quy định khái quát về khu công nghệ cao nêu tại khoản 1 và 2 Điều 31 Luật Công nghệ cao, có xét đến việc phát triển các khu công nghệ cao trong thực tiễn và yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Việc phân loại khu công nghệ cao được đưa ra nhằm phù hợp với thực tiễn phát triển các mô hình khu khác trong đồng thời giúp linh hoạt hơn trong việc xem xét thành lập, tổ chức xây dựng và vận hành các khu công nghệ cao.

b) Chương II: Thành lập, mở rộng khu công nghệ cao gồm 5 Điều (từ Điều 5 đến Điều 9).

Chương này quy định về: phương án phát triển khu công nghệ cao; điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao

- Trước đây, chưa có hướng dẫn cụ thể đối với việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao gây vướng mắc cho các địa phương đề xuất cũng như xử lý hồ sơ đề nghị đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Nội dung chính sách xây dựng nhằm xác định rõ điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; nội dung hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; thẩm quyền thẩm định hồ sơ, quy trình thẩm định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng khu công nghệ cao làm căn cứ để các địa phương có đủ điều kiện, xây dựng hồ sơ đề án thành lập, mở rộng khu công nghệ cao gửi cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập, quyết định mở rộng khu công nghệ cao đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế.

c) Chương III: Quy hoạch, giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu công nghệ cao gồm 5 Điều (từ Điều 10 đến Điều 14).

Chương này quy định về: quy hoạch xây dựng khu công nghệ cao; bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư; chế độ quản lý, sử dụng đất đai; đầu tư xây dựng và quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật Quy hoạch và đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội.

Các quy định được xây dựng căn cứ các quy định pháp luật chuyên ngành về đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng có tính đến sự khác biệt về mô hình hoạt động và quy mô của khu công nghệ cao quốc gia và các khu công nghệ cao khác, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh công tác xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khoa học và công nghệ và hạ tầng xã hội khu công nghệ cao, góp phần đẩy nhanh thu hút đầu tư và hoạt động hiệu quả của khu công nghệ cao.

d) Chương IV: Hoạt động thực hiện mục tiêu phát triển khu công nghệ cao gồm 11 Điều (từ Điều 15 đến Điều 25).

Chương này quy định về: các hoạt động thực hiện mục tiêu phát triển khu công nghệ cao gồm: nghiên cứu và triển khai, phát triển công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung cấp dịch vụ công nghệ cao; chế xuất các sản phẩm công nghệ cao; thương mại hóa các sản phẩm công nghệ cao; hoạt động đổi mới sáng tạo; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; cung ứng các dịch vụ cần thiết khác; quy định về quản lý các hoạt động đầu tư thực hiện mục tiêu phát triển khu công nghệ cao.

Các lĩnh vực đầu tư vào/trong khu công nghệ cao được xác định trên cơ sở khái niệm “khu công nghệ cao” cũng như mục tiêu, nhiệm vụ của khu công nghệ cao quy định tại nghị định. Việc quy định cụ thể đối với một số hoạt động đầu tư trong khu công nghệ cao như nghiên cứu và phát triển; đào tạo nhân lực công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất sản phẩm công nghệ cao; thương mại hóa công nghệ cao, thương mại hóa sản phẩm công nghệ cao... giúp nhà đầu tư xác định được dự án đề xuất đầu tư vào khu công nghệ cao thuộc loại hình hoạt động nào và khung tiêu chí cần đáp ứng áp dụng đối với loại hình hoạt động đó để lựa chọn phương án đầu tư phù hợp. Việc cụ thể hóa các loại hình doanh nghiệp/dự án hoạt động trong khu công nghệ cao cũng như làm rõ khung tiêu chí đối với từng loại hình khác nhau làm căn cứ xét dự án của doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới trong khu công nghệ cao, góp phần thu hút đầu tư có hiệu quả đối với các loại hình dự án khác nhau hoạt động trong khu công nghệ cao.

đ) Chương V: Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư gồm 5 Điều (từ Điều 26 đến Điều 30)

Chương này quy định về: Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho dự án, doanh nghiệp khu công nghệ cao trong đó có các quy định cụ thể về: ưu đãi về đất đai; ưu đãi về các loại thuế; ưu đãi liên quan đến hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú, tạm trú trong khu công nghệ cao; phát triển nhà ở cho chuyên gia, người lao động làm việc tại khu công nghệ cao.

Chương này quy định nguyên tắc xác định và áp dụng ưu đãi đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp có dự án đầu tư vào khu công nghệ cao; quy định các ưu đãi

về: thuế (thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân...), tiền thuê đất, xuất nhập cảnh; quy định chính sách phát triển nhà ở cho người lao động làm việc tại khu công nghệ cao, chính sách hỗ trợ các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao. Các quy định này nhằm giúp nhà đầu tư nhanh chóng tiếp cận đầy đủ các thông tin tổng hợp liên quan đến các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại khu công nghệ cao một cách hiệu quả nhất, tránh lãng phí thời gian tìm hiểu trước khi xem xét, quyết định đề xuất dự án đầu tư vào khu công nghệ cao. Đồng thời, tiến tới tạo sự bình đẳng trong việc áp dụng ưu đãi đối với các khu công nghệ cao khác nhau với việc nghiên cứu, xem xét đưa một số quy định ưu đãi nổi trội tại 02 Nghị định đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Khu Công nghệ cao Đà Nẵng vào quy định chung tại nghị định này.

Việc đưa các chính sách ưu đãi, hỗ trợ vào một nhóm các quy định có liên quan đến nhau là giải pháp thích hợp giúp nhà đầu tư có thể tiếp cận tổng hợp các thông tin liên quan đến các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tại khu công nghệ cao một cách nhanh nhất, tránh lãng phí thời gian tìm hiểu trước khi xem xét, quyết định đề xuất dự án đầu tư vào khu công nghệ cao.

e) Chương VI: Quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao gồm 4 Điều (từ Điều 31 đến Điều 34).

Chương này quy định về: nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao; xác định trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao của các chủ thể có liên quan; quy định về cơ quan quản lý khu công nghệ cao; việc thanh tra, xử lý vi phạm hành chính tại khu công nghệ cao.

Các chính sách xây dựng trong chương này tập trung vào: xác định trách nhiệm quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao của các chủ thể có liên quan, đặc biệt là trách nhiệm từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tới các Bộ, ngành, địa phương có liên quan, đặc biệt là vai trò của cơ quan quản lý khu công nghệ cao (thông thường là Ban Quản lý khu công nghệ cao); nội dung quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao về các mặt: quy hoạch, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hoạt động xây dựng của nhà đầu tư, của các dự án đầu tư, hợp tác quốc tế và xúc tiến đầu tư, đầu tư, đất đai, môi trường, hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, lao động, hoạt động khoa học và công nghệ, các dịch vụ và an ninh trật tự, cư trú...; kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm hành chính tại khu công nghệ cao.

Các quy định được xây dựng nhằm hướng tới sự thống nhất tương đối về mô hình tổ chức và hoạt động của các khu công nghệ cao; tăng cường thẩm quyền của Ban Quản lý khu công nghệ cao; tăng cường vai trò quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ; tiến tới minh bạch hóa và đơn giản hóa thủ tục hành chính hướng tới nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khu công nghệ cao, cải thiện môi trường đầu tư khu công nghệ cao.

g) Chương VII: Điều khoản thi gồm 02 Điều (Điều 35, Điều 36).

Chương này quy định về hiệu lực thi hành của Nghị định, quy định chuyên tiếp và trách nhiệm thi hành Nghị định.

## V. Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

...

## VI. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

...

## V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

*(Sẽ được tổng hợp sau khi xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân khác có liên quan)*

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định về khu công nghệ cao, Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định; (4) Bản tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Nghị định)./.*

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CNC, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Bùi Thế Duy**